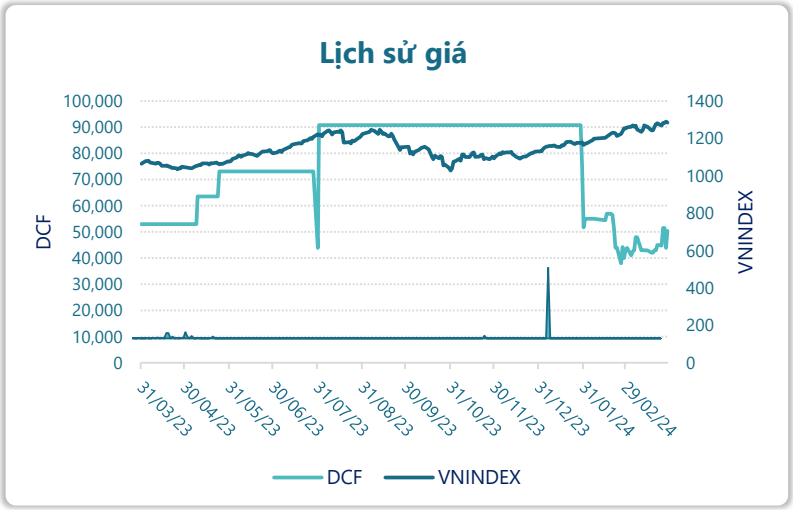
FireAnt

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**50,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	90,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	38,000
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,707
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,512
P/E	114.7
EPS	439

DT thuần

Q1/24

204

tỷ VNĐ

QoQ: ▼64.0| -23.7%

YoY: ▲ 130| 176%

LN sau thuế

Q1/24

2.73

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.2| -85.5%

YoY: ▲ 2.60| 2002%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

8.9%

+/- YoY: ▲ 5.3%

DT thuần

2023

611

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 232| 61.3%

LN sau thuế

2023

10.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.55| 50.4%

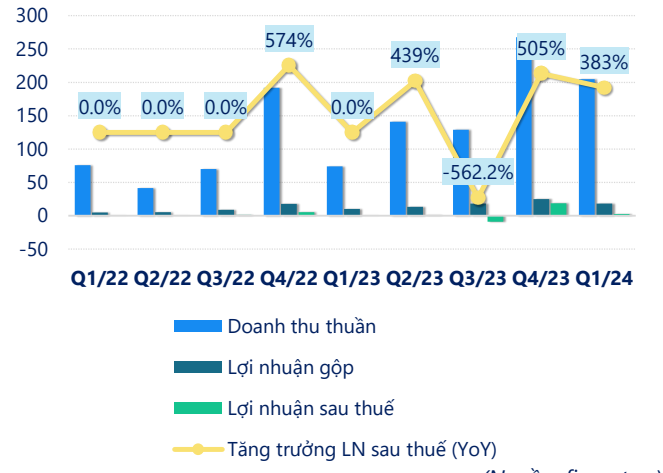
ROE

2023

2.9%

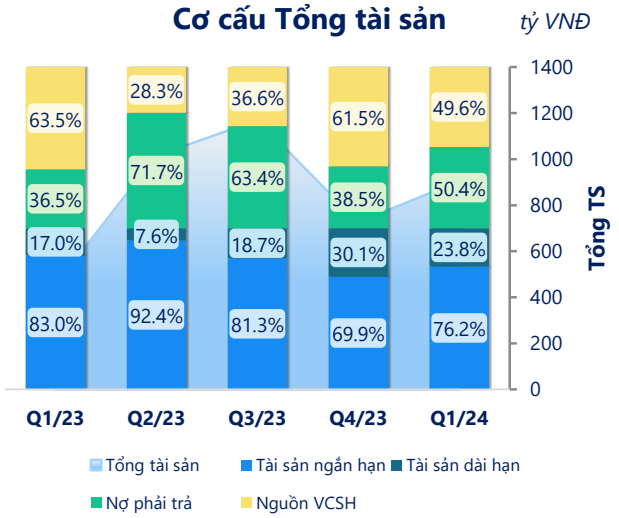
+/- YoY: ▲ 0.4%

Kết quả kinh doanh



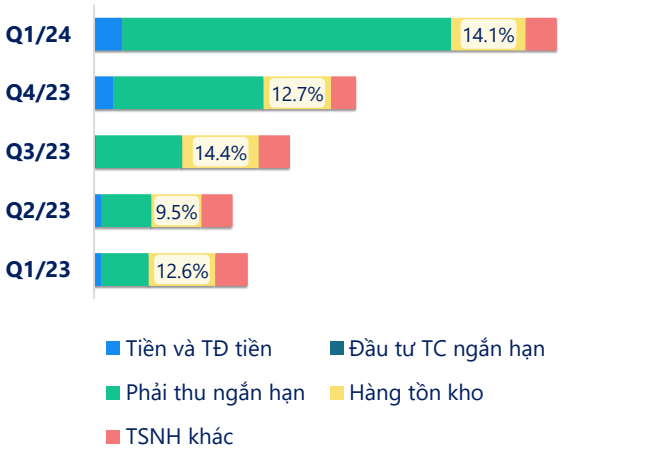
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



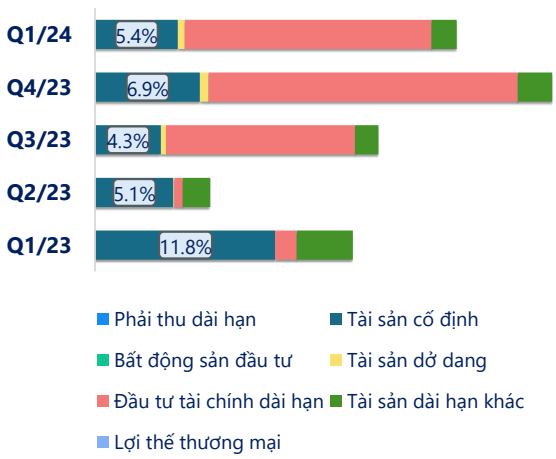
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



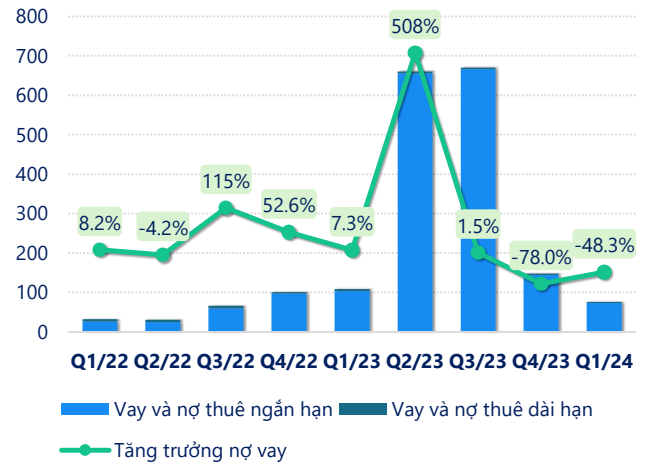
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



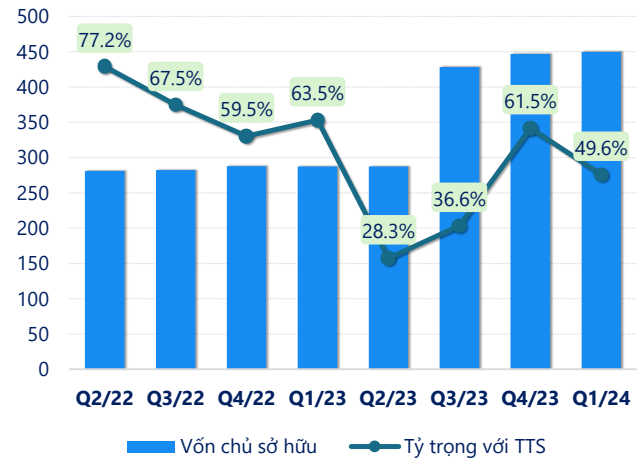
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



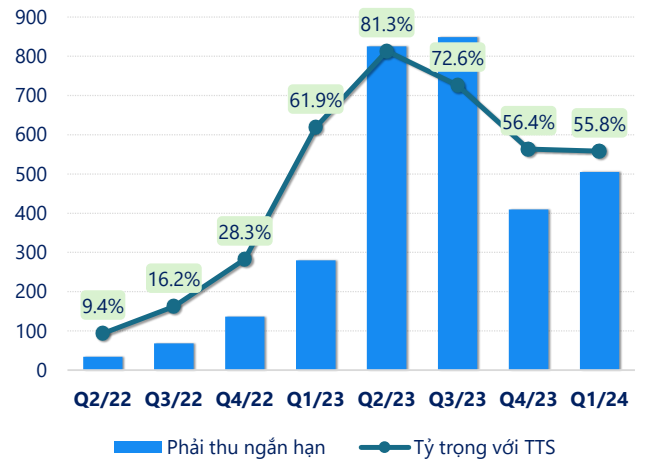
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



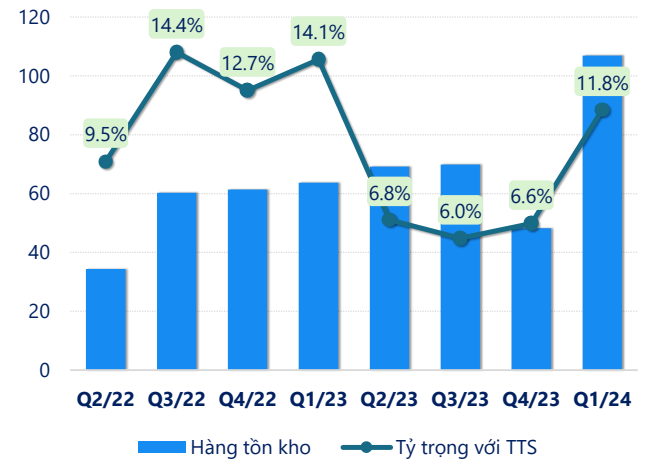
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



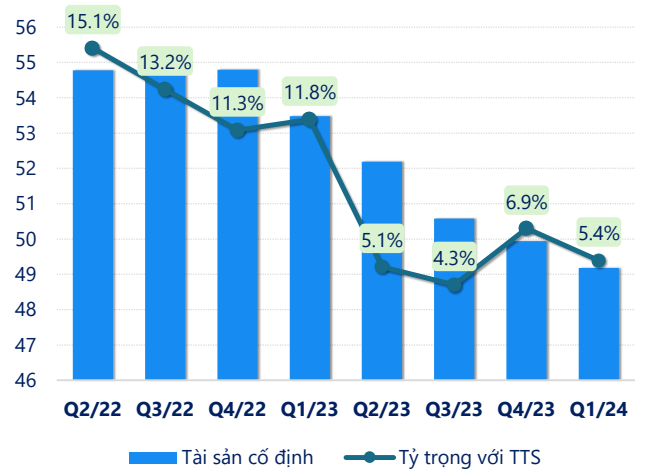
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



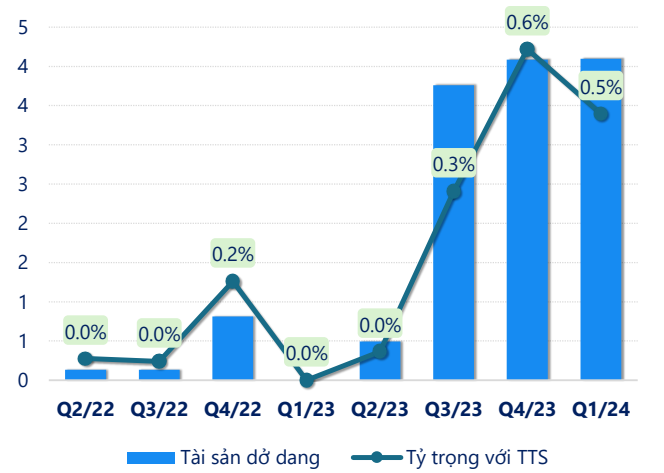
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



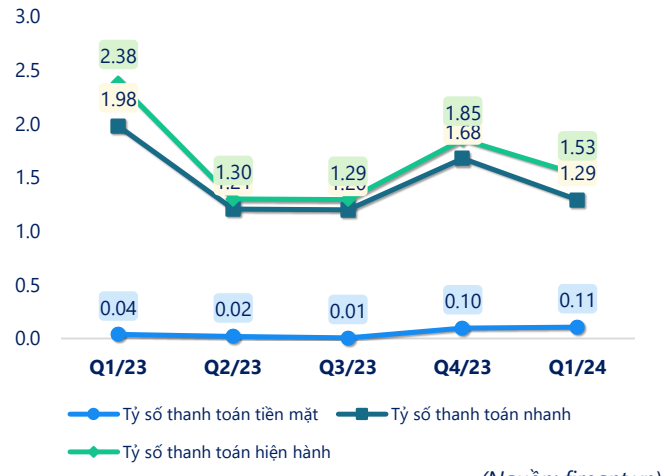
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



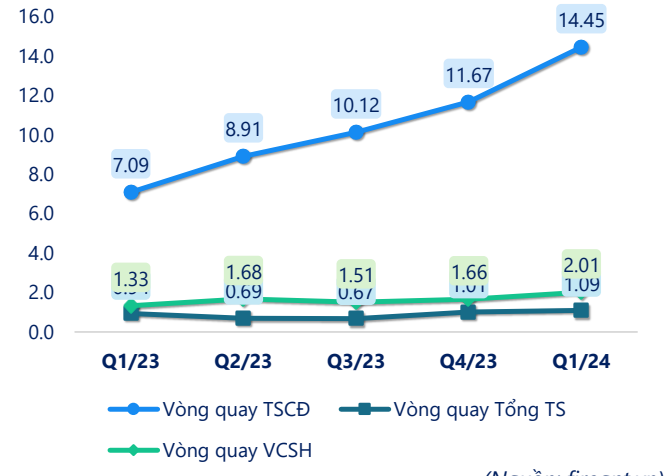
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**453**	**1,015**	**1,170**	**726**	**906**
Tài sản ngắn hạn	**376**	**938**	**951**	**508**	**690**
Tiền và tương đương tiền	5.96	14.5	4.54	26.4	47.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	280	825	849	409	505
Hàng tồn kho	63.7	69.1	69.9	48.2	107
Tài sản ngắn hạn khác	26.1	28.6	28.3	23.7	30.0
Tài sản dài hạn	**76.8**	**77.0**	**218**	**219**	**216**
Phải thu dài hạn	0.25	0.26	0.26	0.26	0.26
Tài sản cố định	53.5	52.2	50.6	49.9	49.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.50	3.76	4.09	4.10
Đầu tư tài chính dài hạn	6.31	5.67	145	148	147
Tài sản dài hạn khác	16.8	18.4	18.1	16.4	15.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**165**	**727**	**741**	**279**	**456**
Nợ ngắn hạn	**158**	**721**	**735**	**274**	**451**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	103	655	666	144	73.5
Phải trả người bán ngắn hạn	34.1	37.2	35.0	68.3	67.8
Nợ dài hạn	7.22	6.65	6.09	5.52	4.95
Vay và nợ thuê dài hạn	5.22	4.65	4.09	3.52	2.95
Nguồn vốn chủ sở hữu	**288**	**287**	**428**	**447**	**450**
Vốn chủ sở hữu	**288**	**287**	**428**	**447**	**450**
Vốn điều lệ	150	150	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)